

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách
nhà nước năm 2025 tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác
công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh
nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng
01 năm 2022;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày
13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 về phân bổ ngân
sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số
26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số
điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;
Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch
đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết
định số 236/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc giao, điều chỉnh kế
hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho
các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); Quyết định số 652/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn
ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03

chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1); Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 331/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2); Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 394/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 3); Nghị quyết số 417/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho nhiệm vụ quy hoạch; Nghị quyết số 427/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 4); Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 426/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) vào Kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 429/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho nhiệm vụ quy hoạch (đợt 2); Nghị quyết số 529/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 5); Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 599/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 7); Nghị quyết số 612/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 613/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8740/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thanh Hóa cho các chương trình, dự án, các đơn vị và các chủ đầu tư, với những nội dung sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Thanh Hóa là: 14.218.247 triệu đồng, gồm:

1. Nguồn vốn đầu tư công năm 2025

Tổng nguồn đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Thanh Hóa là: 13.308.805 triệu đồng, gồm:

a) Vốn ngân sách địa phương là: 10.428.520 triệu đồng, gồm:

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là: 8.500.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là: 28.000 triệu đồng.

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là: 1.600.120 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là: 300.400 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương là: 2.880.285 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 2.527.280 triệu đồng, gồm:

+ Vốn ngân sách trung ương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là: 1.038.419 triệu đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 253.246 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 523.655 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 261.518 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực là: 1.488.861 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài là: 353.005 triệu đồng

(Chi tiết có các Phụ lục I, II, III, IV, các Phụ biểu kèm theo)

2. Nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2025

Tổng nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 để thực hiện (phần vốn bố trí tăng chi đầu tư các dự án quan trọng theo khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015) là: 909.442 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục V kèm theo)

3. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật có liên quan, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm thông báo danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư của các dự án, nhiệm vụ có đủ điều kiện theo quy định cho các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

b) Đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 của các đơn vị, chủ đầu tư; định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2025 và thông báo cho các chủ đầu tư, các địa phương để tổ chức thực hiện. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các chủ đầu tư, địa phương giải ngân thấp so với mức trung bình của cả tỉnh hoặc vi phạm trong công tác quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công và Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi giao kế hoạch năm 2025 cho các dự án ngay sau khi đảm bảo các điều kiện theo quy định đối với số vốn chưa giao kế hoạch.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ giao dự toán chi nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo quy định.

b) Căn cứ tiến độ thu tiền sử dụng đất, cam kết với nhà tài trợ và tình hình thực tế, thực hiện các thủ tục và nghiệp vụ theo quy định để trả nợ gốc vốn vay các dự án sử dụng vốn nước ngoài, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh. Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 cho các đơn vị để thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính đảm bảo theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ để thu hồi số vốn ứng trước nguồn ngân sách Trung ương của các dự án đảm bảo theo quy định.

d) Thực hiện nhập dự toán cho các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo quy định; không để xảy ra tình trạng chậm nhập dự toán làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn năm 2025 của tỉnh.

đ) Định kỳ ngày 13 hằng tháng, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thu tiền sử dụng đất, tiến độ phân bổ, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 đối với các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh, tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 do đơn vị được giao chủ trì tham mưu phân bổ.

3. Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân của chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định và đúng với mục tiêu đầu tư được xác định cụ thể trong quyết định giao kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, trong quá trình kiểm soát chi, phải ưu tiên thu hồi vốn tạm ứng trước khi thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án, nhất là các dự án có số dư vốn ứng lớn, chậm thu hồi vốn tạm ứng.

4. Các chủ đầu tư

a) Tổ chức triển khai thực hiện dự án ngay sau khi nhận được thông báo kế hoạch vốn năm 2025; xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ và giải ngân đối với từng dự án do đơn vị mình quản lý để tổ chức thực hiện, đảm bảo giải ngân hết

kế hoạch vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình thanh toán, phải bố trí đủ vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng theo mục tiêu đầu tư được giao, sau đó mới bố trí cho phần xây lắp và chi khác. Đồng thời, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng số vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả, phù hợp với khối lượng thực hiện, không gây nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới, dự án chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để làm cơ sở cho việc phân bổ, giao hết kế hoạch vốn năm 2025; đồng thời, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gửi Sở Tài chính để mở mã dự án đầu tư theo quy định đối với các dự án chưa có mã dự án đầu tư.

c) Hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn của các dự án theo quy định (nếu có), quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đảm bảo phù hợp với tiến độ bố trí vốn và tình hình thực tế.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Khẩn trương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 do cấp huyện quản lý, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 do cấp xã quản lý, trình Hội đồng nhân dân cấp xã phân bổ theo quy định. Việc phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, dứt khoát không dàn trải, manh mún, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định trong Luật Đầu tư công năm 2019, các văn bản liên quan và hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024, trong đó phải ưu tiên bố trí vốn để thanh toán toàn bộ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025; ưu tiên bố trí vốn đối ứng theo cam kết đối với các dự án sử dụng vốn do tỉnh quản lý; sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 và dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

Các chương trình, dự án thuộc danh mục kế hoạch năm 2025 phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm; trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Tổng hợp kết quả phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 của huyện (bao gồm vốn do cấp huyện và cấp xã quản lý), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

6. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách

nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục I: TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH THANH HÓA

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch năm 2025 của tỉnh Thanh Hóa	Ghi chú
	TỔNG SỐ	13.308.805	14.218.247	
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG	13.308.805	13.308.805	
I	Vốn ngân sách địa phương	10.428.520	10.428.520	Chi tiết có Phụ lục II.
1	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.500.000	8.500.000	
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000	28.000	
3	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.600.120	1.600.120	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	300.400	300.400	
II	Vốn ngân sách Trung ương	2.880.285	2.880.285	
1	Vốn trong nước	2.527.280	2.527.280	Chi tiết có Phụ lục III.
a	Các chương trình MTQG	1.038.419	1.038.419	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	253.246	253.246	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	523.655	523.655	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	261.518	261.518	
b	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.488.861	1.488.861	
-	Vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương	1.488.861	1.488.861	
2	Vốn nước ngoài	353.005	353.005	Chi tiết có Phụ lục IV.
B	NGUỒN VỐN TẶNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		909.442	Chi tiết có Phụ lục V.

Phụ lục II: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
TỔNG SỐ														33.305.978	10.428.520		
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT													28.145.658	8.500.000		
A.1	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH													6.145.658	2.000.000		
I	Bổ trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài													420.000	80.560		Cần cơ tiến độ thu tiền sử dụng đất và cam kết với nhà tài trợ, giao Sở Tài chính thực hiện các nghiệp vụ, thủ tục để trả nợ vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài theo quy định.
II	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh													150.000	30.000		Cần cơ tiến độ thu tiền sử dụng đất, giao Sở Tài chính thực hiện các nghiệp vụ, thủ tục để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất tỉnh theo quy định.
III	Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính													250.000	204.070		Cần cơ tiến độ thu tiền sử dụng đất và tình hình chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đầu tư của dự án, giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.
IV	Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài													1.058.521	61.089		Chi tiết có Phụ biểu số 01
V	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030													60.000	60.000		Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.
VI	Bổ trí cho các nhiệm vụ quy hoạch						19.833	19.533	17.123	17.123	2.710	2.410	19.573	2.410			
a	Nhiệm vụ hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt						6.349	6.349	5.893	5.893	456	456	6.349	456			
1	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8049222	Quy hoạch	Tối đa 04 tháng	1546/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	527	527	500	500	27	27	527	27	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8049223	Quy hoạch	Tối đa 03 tháng	1547/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	519	519	493	493	26	26	519	26	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8049224	Quy hoạch	9 tháng	3041/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	2.490	2.490	2.300	2.300	190	190	2.490	190	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Khu công nghiệp phía Tây thành phố	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8049225	Quy hoạch	9 tháng	3039/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	2.813	2.813	2.600	2.600	213	213	2.813	213	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
b	Nhiệm vụ dự kiến hoàn thành trong năm 2025							11.267	11.267	9.500	9.500	1.767	1.767	11.267	1.767		
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8072148	Quy hoạch	Không quá 6 tháng từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt	3380/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.348	1.348	1.200	1.200	148	148	1.348	148	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa	Hoàn thành và quyết toán nhiệm vụ theo quy định.
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cảng cá Lạch Hói và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Quang Tiến, thành phố Sầm Sơn.	TP Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8072150	Quy hoạch	Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ được phê duyệt (không kể thời gian trình thẩm định và phê duyệt)	4458/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	1.583	1.583	1.400	1.400	183	183	1.583	183	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa	Hoàn thành và quyết toán nhiệm vụ theo quy định.
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thành và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8072149	Quy hoạch	Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ được phê duyệt (không kể thời gian trình thẩm định và phê duyệt)	4457/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	1.590	1.590	1.400	1.400	190	190	1.590	190	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa	Hoàn thành và quyết toán nhiệm vụ theo quy định.
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 17 (Khu vực Yên Mỹ) Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	KKT Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8067063	Quy hoạch	Không quá 09 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	3985/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	4.513	4.513	4.000	4.000	513	513	4.513	513	UBND huyện Nông Cống	Hoàn thành và quyết toán nhiệm vụ theo quy định.
5	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hoằng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8083078	Quy hoạch	Tối đa 09 tháng (kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)	448/QĐ-UBND ngày 26/1/2024	2.233	2.233	1.500	1.500	733	733	2.233	733	Ban QLKKT Nghi Sơn và các KCN	Hoàn thành và quyết toán nhiệm vụ theo quy định.
c	Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	Trên dự bản các huyện miền núi			Quy hoạch			2.217	1.917	1.730	1.730	487	187	1.957	187		
c.1	Nhiệm vụ đã hoàn thành có quyết toán được duyệt							372	372	330	330	42	42	412	42		

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú	
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
																	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Thạch Trung, huyện Thạch Thành đến năm 2030	Xã Thạch Trung, huyện Thạch Thành	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Quy hoạch	Thời gian lập đồ án không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt	3913/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành	372	372	330	330	42	42	412	42	UBND xã Thạch Trung	Thanh toán số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
c.2	Nhiệm vụ đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							1.845	1.545	1.400	1.400	445	145	1.545	145		
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Cò Lãng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	Xã Cò Lãng, huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Quy hoạch	04/2021-03/2024	1568/QĐ-UBND ngày 20/04/2021; 2583/QĐ-UBND ngày 07/08/2023; 750/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND huyện Bá Thước	257	257	235	235	22	22	257	22	UBND xã Cò Lãng	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Quy hoạch	04/2021-03/2024	1567/QĐ-UBND ngày 20/04/2021; 2581/QĐ-UBND ngày 07/08/2023; 751/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND huyện Bá Thước	274	274	250	250	24	24	274	24	UBND xã Lũng Cao	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Đông, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Xã Nam Đông, huyện Quan Hoá	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8062427	Quy hoạch	Thời gian lập đồ án không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt	2127/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 230/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	420	320	290	290	130	30	320	30	UBND xã Nam Đông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
4	Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Thành, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Xã Trung Thành, huyện Quan Hoá	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8062428	Quy hoạch	Thời gian lập đồ án không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt	2128/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 231/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	445	345	310	310	135	35	345	35	UBND xã Trung Thành	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8062425	Quy hoạch	Thời gian lập đồ án không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt	2122/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 229/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	449	349	315	315	134	34	349	34	UBND xã Trung Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
VII	Bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét							41.399	41.399	17.500	17.500	23.899	23.899	41.800	23.899		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							22.866	22.866	17.500	17.500	5.366	5.366	23.250	5.366		
1	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cò Lãng, huyện Bá Thước.	Xã Cò Lãng, huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969261	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023-2024	4208/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.950	4.950	4.000	4.000	950	950	4.950	950	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mot, huyện Thường Xuân.	Xã Bát Mot, huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969268	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023-2024	4564/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	1.194	1.194	1.000	1.000	194	194	1.200	194	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
3	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pôn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.	Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8024353	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023-2024	4211/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	2.923	2.923	2.900	2.900	23	23	3.300	23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
4	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.	Xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969262	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2024	196/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	13.799	13.799	9.600	9.600	4.199	4.199	13.800	4.199	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
b	Dự án khởi công mới năm 2025							18.533	18.533			18.533	18.533	18.550	18.533		
1	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn My xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2025	1873/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	2.384	2.384			2.384	2.384	2.400	2.384	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	Triển khai thực hiện dự án theo quy định.
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Trung Thắng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.				Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2025	2714/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	16.149	16.149			16.149	16.149	16.150	16.149	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Triển khai thực hiện dự án theo quy định.
VIII	Bố trí vốn thực hiện các dự án							14.025.725	6.584.069	7.384.166	3.555.372	6.641.559	3.028.697	4.145.764	1.404.995		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							1.614.059	446.964	1.413.146	385.979	200.913	60.985	255.964	42.600		

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
1	Khu neo đầu tàu thuyền phục vụ đi dân, tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7790735	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2020-2023	5500/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	64.964	64.964	61.000	61.000	3.964	3.964	53.964	1.900	UBND thị xã Nghi Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
2	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	KKT Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7604413	Khu kinh tế và khu công nghiệp	2016-2023	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016; 172/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/8/2017; 288/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/10/2018; 22/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/01/2021; 161/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 08/6/2022	1.479.095	319.000	1.317.741	291.700	161.354	27.300	139.000	27.300	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
3	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ Đoàn, xã Lăng Niêm, huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2024	1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 1288/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	70.000	63.000	34.405	33.279	35.595	29.721	63.000	13.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước; UBND huyện Bá Thước	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư			7913231				60.245		27.405	26.279				10.645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
-	Các hạng mục do UBND huyện Bá Thước làm chủ đầu tư							9.755		7.000	7.000				2.755	UBND huyện Bá Thước	Bổ trí đủ 100% chi phí giải phóng mặt bằng theo tổng mức đầu tư được duyệt để hoàn thành bổ sung giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025							8.375.091	4.795.065	4.242.680	2.927.293	4.132.411	1.867.772	3.367.953	1.180.087		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	TP Thanh Hóa, Đông Sơn, Triệu Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa (thành phố Thanh Hóa)	7653294	Giao thông	Từ năm 2018 đến hết năm 2025	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019; 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; 2443/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	1.484.970	1.484.970	1.237.410	1.237.410	247.560	247.560	566.859	45.424	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ đi dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn.	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7790733	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2021-2025	3033/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 1721/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	971.990	779.962	455.121	455.121	516.869	324.841	740.772	298.151	UBND thị xã Nghi Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GD 2).	Huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Văn hóa	2021-2025	1578/QĐ-UBND ngày 15/5/2021	453.207	236.350	170.362	162.339	282.845	74.011	206.350	74.011		
<i>Trong đó:</i>																	
-	Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư.			7800510			1578/QĐ-UBND ngày 15/5/2021	274.212	84.000	9.989	9.989	264.223	74.011	82.500	74.011	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
-	Phần GPMB, TĐC do UBND huyện Hà Trung làm chủ đầu tư.			7800706			3373/QĐ-UBND ngày 05/9/2019	178.995	152.350	160.373	152.350	18.622		123.850		UBND huyện Hà Trung	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	Các huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa, Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2020-2025	4500/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	2.242.000	1.142.000	1.504.773	404.773	737.227	737.227	885.650	488.307	Sở Giao thông vận tải; UBND các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư.			7642218				2.040.539	1.142.000	1.296.052	389.277				485.307	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
-	Các hạng mục do UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư.			7886096				120.000		107.235	6.010				3.000	UBND huyện Hậu Lộc	Hoàn thành giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
5	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa	TP Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1563/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	1.008.416	450.000	306.539	306.539	701.877	143.461	306.539	1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa (trước đây là Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố Thanh Hóa); UBND thành phố Thanh Hóa	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do UBND thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư			8101542				719.860		253.810	252.810				1.000	UBND thành phố Thanh Hóa	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách thành phố Thanh Hóa để hoàn thành giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
6	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	Huyện Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929157	Giao thông	2022-2025	1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	348.155	160.000	107.500	107.500	240.655	52.500	120.000	12.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
7	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hân, Cô Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.	Huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	4544/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1828/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	150.000	104.000	87.515	52.000	62.485	52.000	104.000	52.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung; UBND huyện Hà Trung	
	<i>Trong đó:</i>			7929044				117.130		40.000	40.000			52.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.	
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	909/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	200.000	39.000	135.990	500	64.010	38.500	39.000	38.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn; UBND huyện Nga Sơn	
	<i>Trong đó:</i>			7924425				161.186	39.000	113.490	500			22.186	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Kết hợp với nguồn vốn NSTW để hoàn thành dự án theo quy định.	
	<i>Các hạng mục do UBND huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư</i>			7974763				38.814		22.500				16.314	UBND huyện Nga Sơn	Hoàn thành bãi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.	
9	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969263	Giao thông	2022-2025	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	130.000	72.000	36.600	36.600	93.400	35.400	72.000	17.922	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
10	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7924422	Văn hóa	03 năm	2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	95.500	71.625	41.500	41.500	54.000	30.125	71.625	20.125	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
11	Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luân Khê đi thôn Pá Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7806976	Giao thông	2019 - 2025	1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; 4042/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	54.007	13.608	42.359	6.000	11.648	7.608	13.608	7.608	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định.
12	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	TP Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929836	Giao thông	2022-2025	102/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	604.984	93.916	24.500	24.500	580.484	69.416	93.916	69.416	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	Kết hợp với ngân sách thành phố Sầm Sơn để hoàn thành dự án theo quy định.
13	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	TP Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929837	Giao thông	2022-2025	103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	631.862	147.634	92.511	92.511	539.351	55.123	147.634	55.123	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	Kết hợp với ngân sách thành phố Sầm Sơn để hoàn thành dự án theo quy định.
<i>c</i>	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2025</i>							4.036.575	1.342.040	1.728.340	242.100	2.308.235	1.099.940	521.847	182.308		
1	Tôn tạo Khu di tích Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc (trước đây là dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc).	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Văn hóa	Hoàn thành trong năm 2026	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; NQ số 211/NQ-HĐND ngày 16/10/2019; 68/QĐ-UBND ngày 07/01/2021; NQ số 379/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; 4490/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	550.730	270.195	232.840	146.600	317.890	123.595	154.000	90.195		
	<i>Trong đó:</i>			7549687													
	<i>Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư.</i>							304.165	95.539	85.403	40.400	218.762	55.139	88.944	55.139	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.
	<i>Phần GPMB, TĐC do UBND huyện Vĩnh Lộc làm chủ đầu tư</i>			7802144				246.565	174.656	147.437	106.200	99.128	68.456	65.056	35.056	UBND huyện Vĩnh Lộc	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.
2	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.	Các xã thuộc 11 huyện miền núi	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7938335	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	2024-2026	1317/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	113.184	113.184	91.000	91.000	22.184	22.184	100.000	9.000	Công an tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.
3	Đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hợp đoạn BOT, tỉnh Thanh Hóa.	Các huyện, thành phố: Hoàng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2020-	5351/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	3.372.661	958.661	1.404.500	4.500	1.968.161	954.161	267.847	83.113	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hoàng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, Nghi Sơn	UBND huyện Hoàng Hóa đề xuất bố trí 2.800 triệu đồng, UBND thị xã Nghi Sơn đề xuất bố trí 4.950 triệu đồng. Tuy nhiên, dự án đã được UBND tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đồng ý dừng thực hiện theo hình thức PPP, chuyển sang hình thức đầu tư công; do đó, sau khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển đổi hình thức đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu báo cáo UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 cho từng tỉnh dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tái khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú							
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh											
								Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh															
IX	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch													132.977			Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.							
A.2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ												22.000.000	6.500.000			Điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Chi tiết từng huyện trong dự toán thu - chi NSNN năm 2025 tại Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa của UBND tỉnh.							
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT												358.837	40.000	47.700	10.200	311.137	29.800	33.200	28.000				
I	Số vốn giao kế hoạch cho các dự án												358.837	40.000	47.700	10.200	311.137	29.800	33.200	23.000				
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>												200.837	20.000	25.200	10.200	175.637	9.800	16.600	6.400				
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa.	Huyện Hoằng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Y tế, dân số và gia đình	2024-2027	877/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	200.837	20.000	25.200	10.200	175.637	9.800	16.600	6.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.							
b	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>												158.000	20.000	22.500		135.500	20.000	16.600	16.600				
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	Huyện Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Y tế, dân số và gia đình	2024-2027	4456/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	158.000	20.000	22.500		135.500	20.000	16.600	16.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	Triển khai thực hiện dự án theo quy định.							
II	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch														5.000							Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.		
C	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG														693.100	300.400								
1	Giao kế hoạch số vốn từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài														693.100	105.941						Bố trí vốn từ Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại để bố trí cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài; Chi tiết tại Phụ lục IV		
2	Số vốn chưa giao kế hoạch																					Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.		
194.459																								
D	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC														10.997.349	6.314.813	5.196.255	3.893.622	5.787.824	2.421.191	4.434.020	1.600.120		
I	Bố trí vốn cho các dự án trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã														77.670	44.643			77.670	44.643	40.000	40.000		
a	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>														77.670	44.643			77.670	44.643	40.000	40.000		
1	Trụ sở làm việc của Mặt trận Tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện														41.999	28.243			41.999	28.243	23.600	23.600		
-	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2025	2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	6.999	5.000			6.999	5.000	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Triển khai thực hiện hạng mục nhà làm việc và các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác của dự án theo quy định.							
-	Trụ sở Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2024 - 2026	2779/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	35.000	23.243			35.000	23.243	18.600	18.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Triển khai thực hiện dự án theo quy định.							
2	Công sở xã trên địa bàn tỉnh														35.671	16.400			35.671	16.400	16.400	16.400		
*	<i>Huyện Hậu Lộc</i>																							
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc.	Xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa hiện đang quản lý, sử dụng	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2025	1464/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	7.866	5.300			7.866	5.300	5.300	5.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	Triển khai thực hiện hạng mục nhà làm việc, các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác của dự án theo quy định.							
*	<i>Huyện Thường Xuân</i>																							

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lãi kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
-	Đầu tư xây dựng Công sở thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2025	992/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	17.694	5.800			17.694	5.800	5.800	5.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	Triển khai thực hiện phần xây lắp hạng mục nhà làm việc
*	<i>Huyện Hà Trung</i>																
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Hà Vinh, huyện Hà Trung.	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2025	3579/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	10.111	5.300			10.111	5.300	5.300	5.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung	Triển khai thực hiện đầu tư hạng mục nhà làm việc và các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.
II	Bổ trí vốn thực hiện các dự án							10.919.679	6.270.170	5.196.255	3.893.622	5.710.154	2.376.548	4.394.020	1.560.120		
a	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt							1.961.692	1.298.790	1.522.704	1.114.386	425.718	184.404	756.845	117.336		
1	Xây dựng cầu Tô Rồng, huyện Thường Xuân.	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7862529	Giao thông	2019-2024	4029/QĐ-UBND ngày 23/9/2020; 1180/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	92.000	92.000	82.800	82.800	9.200	9.200	91.500	9.200	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
2	Cung cấp bao vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, huyện Nga Sơn (GD II; không bao gồm hạng mục Trồng cây chắn sóng).	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7266545	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Hoàn thành trước ngày 31/12/2023	2235/QĐ-UBND ngày 23/7/2008; 3965/QĐ-UBND ngày 5/1/2010; 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2013; 1034/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; 1723/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2493/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; 2880/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	253.348	25.512	239.058	24.492	1.020	1.020	20.020	1.020	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
3	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc.	Huyện Vinh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7659052	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2018 - 2024	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018; 3781/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; 4692/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 1545/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	67.780	66.656	51.851	50.727	15.929	15.929	45.000	15.867	UBND huyện Vinh Lộc	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
4	Sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai tại huyện Lang Chánh.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7848686	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2021-2024	881/QĐ-UBND ngày 17/3/2021; 2491/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; 1152/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	49.999	29.999	36.000	16.000	13.999	13.999	29.999	13.999	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
5	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	Huyện Hoằng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7440681	Giao thông	2013-2024	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 4052/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	191.728	89.813	172.279	80.700	19.449	9.113	26.813	9.113	UBND huyện Hoằng Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
6	Xây dựng đường tuyến Tiên Sơn - Hạc Oa (đoạn từ nút giao đường vào đồng Tiên Sơn đến đường Hạc Oa) Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	TP. Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7540930	Giao thông	2017-2024	4432/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10.413	10.413	9.330	9.330	1.083	1.083	2.613	1.083	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
7	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Tư mốc A2 đến mốc A4).	TP Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7694167	Khu công nghiệp và khu kinh tế	Hoàn thành trước ngày 30/10/2024	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; 278/QĐ-UBND ngày 21/01/2021; 96/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; 387/QĐ-UBND ngày 31/01/2023; 1716/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	59.278	45.000	44.300	39.800	14.978	5.200	22.900	5.200	UBND thành phố Thanh Hoá	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
8	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ Phố Đoàn, xã Lăng Niêm, huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7913231	Giao thông	2022-2024	1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 1288/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	70.000	63.000	34.405	33.279	35.595	29.721	63.000	16.321	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước; UBND huyện Bá Thước	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>			7913231				60.245		27.405	26.279				16.321	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	<i>Kết hợp nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.</i>
9	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	Huyện Cẩm Thủy	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7935383	Giao thông	2022-2024	1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	57.000	45.000	37.356	30.356	19.644	14.644	45.000	14.644	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	Thanh toán khối lượng hoàn thành.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
10	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603)	Các huyện Hoàng Hóa, Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2021-2024	2543/QĐUBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐUBND ngày 16/9/2021; 2742/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 4159/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	1.110.146	831.397	815.325	746.902	294.821	84.495	410.000	30.889		
<i>Trong đó:</i>																	
10.1	Tiểu dự án 1: Cầu vượt sông Mã và đường 2 đầu cầu từ Km5+250-Km7+250.			7928845			2543/QĐUBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐUBND ngày 16/9/2021; 2742/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 4159/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	655.397	655.397	570.902	570.902	84.495	84.495	234.000	30.889	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (trước đây là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1)	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
10.2	Tiểu dự án 2: Đoạn từ đầu cầu vượt sông Mã đến nút giao với Quốc lộ 45 (Km 7+250-Km14+603).			7928902			2543/QĐUBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐUBND ngày 16/9/2021	454.749	176.000	244.423	176.000	210.326		176.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
b Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025								8.047.034	4.432.200	3.601.648	2.707.333	4.445.386	1.724.867	3.326.175	1.197.749		
1	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.	Huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7583319	Giao thông	Hoàn thành chậm nhất trong Quý I/2025	5047/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; 1400/QĐ-UBND ngày 23/4/2020; 282/QĐUBND ngày 18/01/2023; 3953/QĐ-UBND ngày 26/10/2023; 2623/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	29.998	29.998	27.500	27.500	2.498	2.498	23.898	2.498	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	TP. Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7664081	Xã hội	Đồng ý gia hạn thời gian thực hiện đến ngày 31/3/2025	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1402/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; 3657/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	39.682	39.682	26.127	26.127	13.555	13.555	16.658	8.339	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa.	TP. Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7263527	Giao thông	2010-2025	1700/QĐ-UBND ngày 20/05/2010; 1702/QĐ-UBND ngày 06/6/2014; 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	158.883	70.671	98.889	53.000	59.994	17.671	17.671	11.336	UBND thành phố Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5785/UBND-CN ngày 04/5/2021, Công văn số 8370/UBND-CN ngày 13/6/2024 và Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa
4	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL 47) và đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn.	TP. Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7804746	Giao thông	Năm 2019 đến năm 2025	4532/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4070/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 1560/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	369.533	319.533	231.402	231.402	138.131	88.131	277.533	88.131	UBND thành phố Sầm Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
5	Tuyến đường bờ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	KKT Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7227679	Khu công nghiệp và khu kinh tế	2012-2025	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013; 90/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 10/3/2024	213.815	101.974	180.835	68.994	32.980	32.980	29.769	13.000	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Hoàn thành dự án theo quy định.
6	Xây dựng môi trường trạm Yên Tôn, xã Vinh Quang, huyện Vinh Lộc (thay thế trạm bơm Yên Tôn, xã Vinh Yên, huyện Vinh Lộc).	Huyện Vinh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929439	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022-2025	510/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	109.950	109.950	88.297	88.297	21.653	21.653	99.000	10.703	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
7	Dự án CH1-02.	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7801744	Quốc phòng	2022-2025	1382/QĐ-UBND ngày 27/4/2021; 539/QĐ-UBND ngày 30/01/2022	46.523	46.523	25.000	25.000	21.523	21.523	46.523	21.523	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
8	Đường tỉnh 502 đoạn từ nút giao với đường Đinh Hương - Giảng, phường Thiệu Dương đến ngã ba di cầu phao Vồm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.	TP. Thanh hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7933748	Giao thông	2022 - 2025	1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 2311/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	117.061	55.000	47.900	37.400	69.161	17.600	55.000	17.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa)	Hoàn thành dự án theo quy định.
9	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	TP Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7968736	Văn hóa	2022-2025	5231/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2799/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	254.924	76.500	53.000	53.000	201.924	23.500	76.500	23.500	UBND thành phố Sầm Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
10	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Diệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn.	TX Bim Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7926729	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022-2025	2211/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	268.630	85.050	93.865	75.500	174.765	9.550	85.050	9.550	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
11	Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	Huyện Yên Định	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7926498	Giao thông	2023-2025	1031/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	215.620	80.000	100.532	46.838	115.088	33.162	80.000	33.162	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định	Hoàn thành dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
12	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	Huyện Thọ Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928898	Giao thông	2022-2025	1015/QĐ-UBND ngày 22/3/2022; 2448/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	256.400	150.000	143.518	120.000	112.882	30.000	100.000	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định (không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do ngân sách huyện bố trí).
13	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiều Thủy, huyện Thọ Xuân.	Huyện Thọ Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928899	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	2022-2025	313/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	29.909	20.000	11.000	11.000	18.909	9.000	20.000	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định.
14	Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát.	Huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928758	Cấp thoát nước	2022-2025	258/QĐ-UBND ngày 16/01/2023; 3034/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	33.333	33.333	9.000	9.000	24.333	24.333	33.333	24.333	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.
15	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hàng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7924422	Văn hóa	03 năm	2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	95.500	71.625	41.500	41.500	54.000	30.125	71.625	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
16	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đơn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7924423	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022-2025	2389/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	166.230	81.000	90.505	65.700	75.725	15.300	81.000	15.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
17	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bình thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	Huyện Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	2315/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	156.450	99.000	69.300	69.300	87.150	29.700	99.000	29.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc, UBND huyện Hậu Lộc	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư</i>			7928753				117.494	99.000	56.300	56.300				23.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư</i>			8014096				38.956		13.000	13.000				6.000	UBND huyện Hậu Lộc	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	Huyện Hoằng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7930159	Giao thông	2022-2025	1258/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	200.000	67.500	59.313	42.100	140.687	25.400	67.500	25.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
19	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	Huyện Cẩm Thủy	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	199.786	135.000	72.178	40.500	127.608	94.500	108.000	67.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy, UBND huyện Cẩm Thủy	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy làm chủ đầu tư</i>			7935384				123.651	135.000	19.132	9.132				44.411	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Cẩm Thủy làm chủ đầu tư</i>			8013524				76.135		53.046	31.368				23.089	UBND huyện Cẩm Thủy	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
20	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	Huyện Ngọc Lặc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	154.000	125.000	70.500	70.500	83.500	54.500	100.000	29.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc, UBND huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>			7928666				129.574	125.000	65.500	65.500				28.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>							24.426		5.000	5.000				1.500	UBND huyện Ngọc Lặc	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
21	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lấp, huyện Thọ Xuân.	Huyện Ngọc Lặc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	167.000	85.000	25.500	25.500	141.500	59.500	56.500	31.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc, UBND huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>			7928665				130.909	85.000	23.500	23.500				13.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>							36.091		2.000	2.000				17.500	UBND huyện Ngọc Lặc	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.
22	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (GD 1).	Huyện Thạch Thành	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	912/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	247.949	127.000	112.578	74.500	135.371	52.500	127.000	27.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành, UBND huyện Thạch Thành	
	<i>Trong đó:</i>																
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư</i>			7931585				193.753	127.000	52.500	52.500					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư</i>							54.196		22.000	22.000				27.100	UBND huyện Thạch Thành	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)			Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh								
23	Kè chống sạt lở bờ kè kết hợp chỉnh trang phát triển đô thị, khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7925216	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022-2025	2822/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	108.391	108.391	70.500	70.500	37.891	37.891	102.200	31.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
24	Tuyến đường giao thông từ bản Giàng, xã Trì Nang đi thôn Bang, Giàng, Tưu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15A.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	3105/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	108.963	108.963	39.335	39.335	69.628	69.628	59.000	19.665	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh, UBND huyện Lang Chánh	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh làm chủ đầu tư			7925214				91.286	91.286	29.806	29.806				19.665	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
25	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	213.593	144.000	64.090	59.500	149.503	84.500	115.200	55.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước, UBND huyện Bá Thước	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư			7913230				164.277	144.000	46.211	44.500				27.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
-	Các hạng mục do UBND huyện Bá Thước làm chủ đầu tư			8023980				49.316		17.879	15.000				28.500	UBND huyện Bá Thước	Hoàn thành bởi thường giải phòng mặt bằng dự án theo quy định.
26	Đường giao thông nối vùng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928905	Giao thông	2022-2025	5555/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	80.000	80.000	44.000	44.000	36.000	36.000	80.000	36.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định (dự án đã bố trí đủ nhu cầu GPMB theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư là 3.000 triệu đồng).
27	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1167/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	110.000	110.000	48.800	48.800	61.200	61.200	88.000	39.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát, UBND huyện Mường Lát	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát làm chủ đầu tư			7928907				100.271	100.271	41.800	41.800				39.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.
28	Đường giao thông từ cầu Thăng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Huyện Quảng Xương	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022 - 2025	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	220.000	144.000	48.200	48.200	171.800	95.800	78.200	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương, UBND huyện Quảng Xương	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương làm chủ đầu tư			7930644				155.768		48.200	48.200				30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Kết hợp với nguồn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
29	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạc, huyện Quảng Xương.	Huyện Quảng Xương	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022 - 2025	2861/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	175.000	108.000	32.400	32.400	142.600	75.600	58.400	26.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương, UBND huyện Quảng Xương	
<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương làm chủ đầu tư			7937309				133.235		32.400	32.400				26.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.
30	Rà phá bom, mìn, vật nổ khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh trên các địa bàn trong điểm của tỉnh.	Trên địa bàn tỉnh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7967874	Quốc phòng	2023-2025	4036/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	36.319	36.319	10.500	10.500	25.819	25.819	28.800	18.300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
31	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Đura, huyện Thiệu Hóa.	Huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969263	Giao thông	2022-2025	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	130.000	72.000	36.600	36.600	93.400	35.400	72.000	17.478	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
32	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa.	Huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8039599	Y tế, dân số và gia đình	Từ năm 2022 đến quý I năm 2025	2361/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	175.000	40.000	83.000	35.000	92.000	5.000	40.000	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
33	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.	Huyện Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8045894	Y tế, dân số và gia đình	Từ năm 2022 đến quý I năm 2025	3207/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	98.600	30.000	45.500		53.100	30.000	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	Hoàn thành dự án theo quy định.
34	Đường từ núi Văn Trinh (ĐT.504) đến đường Thọ Xuân -Nghệ Sơn (ĐT.506), tỉnh Thanh Hóa.	Huyện Quảng Xương	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8021285	Giao thông	2023-2025	2727/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	442.990	100.000	316.984	92.984	126.006	7.016	100.000	7.016	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương	Hoàn thành dự án theo quy định.
35	Đầu tư xây dựng cầu Cẩm Văn, huyện Cẩm Thủy.	Huyện Cẩm Thủy	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8025679	Giao thông	2023-2025	3152/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	330.000	90.000	141.000	35.000	189.000	55.000	90.000	55.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Hoàn thành dự án theo quy định.
36	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa.	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	68.000	65.000	37.500	37.500	30.500	27.500	65.000	27.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa, UBND huyện Quan Hóa	
<i>Trong đó:</i>																	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư			7929736				62.424		31.924	31.924			27.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.		
37	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1184/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	59.898	59.898	15.000	15.000	44.898	44.898	48.000	33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa; UBND huyện Quan Hóa		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư			7929735				54.835	54.835	15.000	15.000			33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.		
38	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn	Thành phố Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7580360	Giao thông	2016-2025	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018; 2737/QĐ-UBND ngày 13/7/2020; 1672/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	159.894	141.669	127.217	118.517	32.677	23.152	29.607	23.107	UBND thành phố Sầm Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.	
39	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa.	Huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928969	Xã hội	2022-2025	4997/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	45.524	45.524	36.500	36.500	9.024	9.024	45.524	9.024	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.	
40	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	Huyện Đông Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7913080	Giao thông	2022-2025	2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	159.378	60.000	68.148	55.000	91.230	5.000	60.000	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.	
41	Đường giao thông nối Quốc lộ 47 xã Đông Anh, huyện Đông Sơn với Quốc lộ 45 xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (đoạn từ tỉnh lộ 517 huyện Đông Sơn đi xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương).	Huyện Đông Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7804292	Giao thông	2019-2025	4519/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4552/QĐ-UBND ngày 01/11/2019	187.959	132.000	138.352	90.000	49.607	42.000	122.000	42.000	UBND huyện Đông Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.	
42	Đường nối khu công nghiệp Tương Linh đi tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống.	Huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2023-2025	496/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	89.000	45.000	13.500	13.500	75.500	31.500	45.000	31.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống; UBND huyện Nông Cống		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống làm chủ đầu tư			7968500				79.692		5.400	5.400			31.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	Kết hợp với nguồn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.		
43	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn 1).	Huyện Thọ Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928897	Giao thông	2022-2025	1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	175.972	50.000	67.255	48.000	108.717	2.000	50.000	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	Kết hợp với nguồn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.	
44	Đường giao thông Phương Nghi - Cấn Khê, huyện Như Thanh.	Huyện Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929156	Giao thông	2023-2025	1206/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2295/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	44.999	40.500	33.589	32.400	11.410	8.100	40.500	8.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	Hoàn thành dự án theo quy định.	
45	Hệ thống cấp nước và xử lý nước sinh hoạt thị trấn Sơn Lát, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928757	Cấp nước, thoát nước	2022-2025	4796/QĐ-UBND ngày 12/12/2017; 4343/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; 4405/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	45.957	26.000	20.800	20.800	25.157	5.200	26.000	5.200	UBND huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.	
46	Đường giao thông vào khu di tích cấp quốc gia đặc biệt Hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950).	Huyện Thạch Thành	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022 - 2025	1016/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	64.131	57.723	45.900	45.900	18.231	11.823	57.723	11.823	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành, UBND huyện Thạch Thành		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư			7931584				57.062		44.900	44.900			11.823	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.		
47	Nạo vét, thanh thải đại đả ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch Bang, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929438	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023 - 2025	3203/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	69.874	69.874	27.200	27.200	42.674	42.674	62.000	34.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.	
48	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8041195	Y tế, dân số và gia đình	2023-2025	381/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	108.000	8.000	5.000	5.000	103.000	3.000	8.000	3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ của Ngân hàng để hoàn thành dự án theo quy định.	
49	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phố Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa	TP Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2022-2025	1563/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	1.008.416	450.000	306.539	306.539	701.877	143.461	53.461	52.461	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa (trước đây là Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố Thanh Hóa); UBND thành phố Thanh Hóa		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	Các hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư			8101542				719.859		253.810	253.810			52.461	UBND thành phố Thanh Hóa	Kết hợp với nguồn vốn ngân sách thành phố để hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng		

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch vốn đầu tư trong các đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025	Chủ đầu tư □	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025																	
1	Đường tuần tra từ Đền Biền phòng Bát Mọt (505) đi bản Đục, bản Vịn xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7933971	Quốc phòng	2024-2027	2672/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	120.000	120.000	10.500	10.500	109.500	109.500	36.000	25.500	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
2	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn Km28+760 đến Km33+500, huyện Nông Cống.	Huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8001561	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2024-2026	3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	59.000	27.000	5.500	5.500	53.500	21.500	8.100	2.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
3	Cầu cống bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2024-2026	2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	46.780	46.780	3.500	3.500	43.280	43.280	12.000	8.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn, UBND huyện Quan Sơn		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư</i>			8004791				45.980	45.980	2.700	2.700			8.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định (dự án đã bố trí dư cầu GPMB theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư là 800 triệu đồng).		
4	Đường giao thông từ bản Thủy Thành đi bản Khả - bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2024-2027	4238/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	80.000	80.000	15.911	15.911	64.089	64.089	60.000	44.089	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn, UBND huyện Quan Sơn		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư</i>			8004792				76.182	76.182	12.611	12.611			44.089	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luân Thành, huyện Thường Xuân	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2024 - 2027	4979/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	80.000	80.000	5.596	5.596	74.404	74.404	24.000	18.404	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân, UBND huyện Thường Xuân		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư</i>			7925721				70.008	70.008	5.596	5.596			10.404	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư</i>			8114995				9.992	9.992					8.000	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.		
6	Kiến cổ hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc.	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8014095	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	2024-2026.	919/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	76.500	63.000	5.500	5.500	71.000	57.500	18.900	13.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
7	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Phúc, Vĩnh Tiến, Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7928894	Cấp thoát nước	2024-2026	4897/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	42.992	27.000	24.896	24.896	18.096	2.104	27.000	2.050	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
d	Dự án khởi công mới năm 2025							405.681	95.400	500	500	405.181	94.900	65.000	64.500			
1	Đường giao thông từ xã Thương Ninh, huyện Như Xuân đi xã Phương Nghi, huyện Như Thanh.	Huyện Như Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Giao thông	2024-2026	3657/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	45.400	45.400	500	500	44.900	44.900	15.000	14.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân	Triển khai thực hiện dự án theo quy định.	
2	Xây dựng Trung tâm tâm mạch - hồi sức tích cực - chẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.	TP Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		Y tế, dân số và gia đình	2024-2027	3558/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	360.281	50.000			360.281	50.000	50.000	50.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Kết hợp với nguồn vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện đa khoa tỉnh để triển khai thực hiện dự án theo quy định.	
e	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch													50.000		Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.		
f	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030													60.000	15.992	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.		

Phụ lục III: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Dan h mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)		Lấy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công mới dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 2025	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương				
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương
	TỔNG SỐ											7.883.545,342	76.330,342	2.527.280,000	76.330,342			
A	VỐN NSTW THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA											5.030.369,000		1.038.419,000				
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững											1.640.539,000		253.246,000			Chi tiết có Phụ biểu số 02 và Phụ biểu số 02.1.	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới											2.154.920,000		523.655,000			Chi tiết tại Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW năm 2025 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của UBND tỉnh.	
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi											1.234.910,000		261.518,000			Chi tiết tại Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW năm 2025 Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của UBND tỉnh.	
B	VỐN NSTW ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC						4.044.351,000	2.772.287,212	1.865.379,208	1.575.919,246	1.897.650,000	1.176.683,000	2.853.176,342	76.330,342	1.488.861,000	76.330,342		
B.1	SỐ VỐN GIAO KẾ HOẠCH CHI TIẾT						2.955.013,000	2.055.687,212	1.197.068,208	1.161.388,246	1.476.623,000	874.614,000	1.826.576,342	76.330,342	950.944,342	76.330,342		
I	Lĩnh vực giao thông						1.376.569,000	802.356,000	749.822,000	729.029,000	416.550,000	54.341,000	573.974,096	26.728,096	81.069,096	26.728,096		
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024</i>						523.571,000	323.156,000	313.374,000	304.170,000			94.774,096	26.728,096	26.728,096			
1	Đường giao thông ngã ba Diên Lư - Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	7010262	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2007-2010	814/QĐ-CT ngày 24/3/2005; 2771/QĐ-UBND ngày 09/8/2010	14.670,000	12.007,000	12.009,000	12.007,000		357,000	357,000	357,000	357,000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
2	Đường giao thông ngã ba Diên Lư - Lương Ngươi - Lương Trung - Lương Núi - Cẩm Quý, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	7035075	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2007-2012	451/QĐ-CT ngày 07/02/2005; 1319/QĐ-UBND ngày 04/5/2009; 3955/QĐ-UBND ngày 04/11/2010	108.050,000	66.157,000	68.847,000	66.157,000		8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn liên thôn xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	7262671	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2011-2013	3329/QĐ-UBND ngày 20/9/2010	14.934,000	14.934,000	14.192,000	14.192,000		6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
4	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng ngập lụt 3 xã Hà Dương, Hà Văn, Hà Thanh, huyện Hà Trung	7268347	Huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	Không quá 3 năm	1668/QĐ-UBND ngày 17/5/2010	30.076,000	5.700,000	8.220,000	5.700,000		700,000	700,000	700,000	700,000	UBND huyện Hà Trung	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
5	Đường cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng ven biển huyện Hoằng Hóa	7269013	Huyện Hoằng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	Không quá 3 năm	3243/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	74.759,000	71.158,000	56.515,000	52.914,000		1.800,000	1.800,000	1.800,000	1.800,000	UBND huyện Hoằng Hóa	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
6	Đường giao thông phục vụ công tác cứu hộ cho các xã Trung Thượng và Trung Tiến, huyện Quan Sơn.	7276045	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2016 - 2023	4784/QĐ-UBND ngày 30/12/2010; 5003/QĐ-UBND ngày 25/11/2019; 1731/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	150.000,000	150.000,000	150.000,000	150.000,000		74.646,000	6.600,000	6.600,000	6.600,000	UBND huyện Quan Sơn	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
7	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 4 xã Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	7262678	Huyện Triệu Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2010-2011	3261/QĐ-UBND ngày 15/9/2010	76.093,000	1.900,000	2.291,000	1.900,000		1.900,000	1.900,000	1.900,000	1.900,000	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
8	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 3 xã Thăng Thọ, Thăng Long, Vạn Thiện, huyện Nông Cống	7262687	Huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2010-2011	3284/QĐ-UBND ngày 17/9/2010	54.989,000	1.300,000	1.300,000	1.300,000		1.300,000	1.300,000	1.300,000	1.300,000	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>						852.998,000	479.200,000	436.448,000	424.859,000	416.550,000	54.341,000	479.200,000		54.341,000			
1	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn	7927534	Thị xã Bim Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	335.998,000	117.000,000	107.500,000	105.000,000	228.498,000	12.000,000	117.000,000		12.000,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn	Kết hợp với ngân sách thị xã Bim Sơn để hoàn thành dự án theo quy định.	
2	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.		Huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	394/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	140.000,000	89.600,000	75.500,000	67.411,000	64.500,000	22.189,000	89.600,000		22.189,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung, UBND huyện Hà Trung		
	<i>Trong đó:</i>																	
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung làm chủ đầu tư</i>	7929043					109.887,000		49.500,000	49.000,000					22.189,000	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung</i>	<i>Kết hợp với nguồn vốn ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.</i>	
3	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.		Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	909/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	200.000,000	155.000,000	135.990,000	135.490,000	64.010,000	19.510,000	155.000,000		19.510,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn, UBND huyện Nga Sơn		

STT	Đanh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lũy kế vốn đã bỏ trị vốn từ khi khởi công mới dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 2025	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương											
	<i>Trong đó:</i>																		
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư	7924425					161.186,000			113.490,000	112.990,000				19.510,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Kết hợp với ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.	
4	Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung.		Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 3530/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	177.000,000	117.600,000	117.458,000	116.958,000	59.542,000	642,000	117.600,000		642,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc, UBND huyện Vĩnh Lộc		
	<i>Trong đó:</i>																		
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc làm chủ đầu tư	7928895					152.145,000			99.805,000	99.305,000				642,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc	Kết hợp với ngân sách huyện để hoàn thành dự án theo quy định.	
II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						134.144,000	50.331,212	63.019,208	49.632,246			49.602,246	49.602,246	49.602,246	49.602,246			
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024</i>						134.144,000	50.331,212	63.019,208	49.632,246			49.602,246	49.602,246	49.602,246	49.602,246			
1	Kè chống sạt lở bờ hữu đê sông Chu đoạn K37+300 đến K38+900 xã Thiệu Minh, Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa.	7492537	Huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	Không quá 3 năm	2489/QĐ-UBND ngày 07/8/2012	53.675,000	4.311,208	4.311,208	4.311,208			4.311,208	4.311,208	4.311,208	4.311,208	UBND huyện Thiệu Hóa	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
2	Xử lý sạt lở tả sông Mã đoạn từ K3+125-K3+897,5 xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.	7434468	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2014-2015	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2013	32.533,000	5.000,000	14.240,000	5.000,000		5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
3	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Khánh, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	7212144	Huyện Thạch Thành	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2014-2015	4221/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	7.663,000	6.990,004	7.059,000	6.990,004		6.990,004	6.990,004	6.990,004	6.990,004	6.990,004	UBND huyện Thạch Thành	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khe Trâu xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	7436431	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2014-2015	4532/QĐ-UBND ngày 19/12/2013	14.355,000	10.000,000	13.190,000	10.000,000		10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tân Lập, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc	7447425	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2014	670/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	7.580,000	7.000,000	7.080,000	7.000,000		7.000,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	UBND huyện Vĩnh Lộc	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đả Kềm, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	7447424	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2014	669/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	12.229,000	11.030,000	11.030,000	11.030,000		11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	UBND huyện Vĩnh Lộc	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
7	Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Bai Bồng xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy	7445864	Huyện Cẩm Thủy	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	Không quá 3 năm	4120/QĐ-UBND ngày 22/11/2013	6.109,000	6.000,000	6.109,000	5.301,034		5.301,034	5.301,034	5.301,034	5.301,034	5.301,034	UBND huyện Cẩm Thủy	Thu hồi hết số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương của dự án.	
III	Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế						1.444.300,000	1.203.000,000	384.227,000	382.727,000	1.060.073,000	820.273,000	1.203.000,000		820.273,000				
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>						1.444.300,000	1.203.000,000	384.227,000	382.727,000	1.060.073,000	820.273,000	1.203.000,000		820.273,000				
1	Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn.	7928662	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	1660/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	99.300,000	90.000,000	73.500,000	73.000,000	25.800,000	17.000,000	90.000,000		17.000,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN	Hoàn thành dự án theo quy định.	
2	Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.		Thị xã Nghi Sơn và huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2022-2025	4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	1.345.000,000	1.113.000,000	310.727,000	309.727,000	1.034.273,000	803.273,000	1.113.000,000		803.273,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa, UBND thị xã Nghi Sơn, UBND huyện Nông Cống		
	<i>Trong đó:</i>																		
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa làm chủ đầu tư	7928664					976.040,000	1.113.000,000	256.000,000	255.000,000					489.040,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.	
-	Các hạng mục do UBND thị xã Nghi Sơn làm chủ đầu tư	8066826					355.233,000		43.000,000	43.000,000					312.233,000		UBND thị xã Nghi Sơn	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.	
-	Các hạng mục do UBND huyện Nông Cống làm chủ đầu tư	8066981					13.727,000		11.727,000	11.727,000					2.000,000		UBND huyện Nông Cống	Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.	
B.2	SỐ VỐN CHƯA GIAO KẾ HOẠCH CHI TIẾT						1.089.338,000	716.600,000	668.311,000	414.531,000	421.027,000	302.069,000	1.026.600,000		537.916,658				
I	Lĩnh vực giao thông						1.089.338,000	716.600,000	668.311,000	414.531,000	421.027,000	302.069,000	716.600,000		302.069,000				
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>						1.089.338,000	716.600,000	668.311,000	414.531,000	421.027,000	302.069,000	716.600,000		302.069,000				
1	Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	7846723	Thị xã Bim Sơn và các huyện Hà Trung, Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	2021-2025	490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021; 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1.089.338,000	716.600,000	668.311,000	414.531,000	421.027,000	302.069,000	716.600,000		302.069,000		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bỏ trị vốn NSTW thực hiện dự án sang năm 2025, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch vốn năm 2025 cho dự án theo quy định.	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh)			Lấy kế vốn đã bố trí vốn từ khi khởi công mới dự án đến năm 2024		Số vốn còn thiếu đến năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 2025	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương										
II	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch											310.000,000		235.847,658				Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án phân bổ chỉ tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo quy định.

Phụ lục IV: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (Hoặc dự kiến thời gian thực hiện dự án)	Quyết định đầu tư												Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn giải ngân 2021-2025				Kế hoạch năm 2025				Chủ đầu tư	Ghi chú					
						TMDT												Lấy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2024 (Tính theo số liệu giải ngân đối với vốn nước ngoài)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn giải ngân 2021-2025				Kế hoạch năm 2025										
						Trong đó:												Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:										
						Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										
						Vốn đối ứng			Vốn NST			Vốn NSTW			Các nguồn vốn khác			Quy đổi ra tiền Việt				Vốn đối ứng				Vốn đối ứng ngân sách tỉnh						Vốn đối ứng ngân sách tỉnh				
						Tổng số	Vốn NST	Vốn NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vị trí không hoàn lại	Vay lại	Tổng số	Vốn đối ứng	Đưa vào cân đối NSTW	Vị trí không hoàn lại	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Đưa vào cân đối NSTW	Vị trí không hoàn lại	Vay lại	Tổng số	Vốn đối ứng	Đưa vào cân đối NSTW	Vị trí không hoàn lại	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Đưa vào cân đối NSTW	Vị trí không hoàn lại	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đưa vào cân đối NSTW
	TỔNG SỐ					3.131.593	1.239.313	701.548	537.765	1.892.280	1.253.014	26.272	612.994	1.775.843	552.177	829.150	14.032	380.484	1.355.750	149.371	423.864	12.240	232.510	2.293.099	647.178	1.207.947	26.272	411.702	458.946	353.005	340.765	12.240	105.941			
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÃN THEO CƠ CHẾ TẠI CHỖ TRONG NƯỚC					3.131.593	1.239.313	701.548	537.765	1.892.280	1.253.014	26.272	612.994	1.775.843	552.177	829.150	14.032	380.484	1.355.750	149.371	423.864	12.240	232.510	2.293.099	647.178	1.207.947	26.272	411.702	458.946	353.005	340.765	12.240	105.941			
I	Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị					3.131.593	1.239.313	701.548	537.765	1.892.280	1.253.014	26.272	612.994	1.775.843	552.177	829.150	14.032	380.484	1.355.750	149.371	423.864	12.240	232.510	2.293.099	647.178	1.207.947	26.272	411.702	458.946	353.005	340.765	12.240	105.941			
a	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>					3.131.593	1.239.313	701.548	537.765	1.892.280	1.253.014	26.272	612.994	1.775.843	552.177	829.150	14.032	380.484	1.355.750	149.371	423.864	12.240	232.510	2.293.099	647.178	1.207.947	26.272	411.702	458.946	353.005	340.765	12.240	105.941			
1	Phát triển tổng hợp các đô thị đồng lục Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7629551	2019-2027	1208-QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052-QĐ-LBND ngày 25/3/2019; 2828-QĐ-LBND ngày 17/7/2020; 2145-QĐ-LBND ngày 01/7/2022; 344-QĐ-TTg ngày 05/4/2023; 3621-QĐ-LBND ngày 06/10/2023	2.314.277	1.115.315	577.550	537.765	1.198.962	719.377	479.585	1.408.730	471.268	586.478	350.984	905.547	106.282	132.899	128.601	1.590.019	527.680	674.310	388.029	83.000	49.800	49.800	33.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.					
2	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho đô thị ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD.	Huyện Ngọc Lặc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7630175	2020-2026	1085-QĐ-TTg ngày 23/8/2019; 3563-QĐ-LBND ngày 28/8/2020	817.316	123.998	123.998		693.318	533.637	26.272	133.409	367.113	80.909	242.672	14.032	29.500	450.203	43.089	290.965	12.240	103.909	703.080	119.498	533.637	26.272	23.673	375.946	303.205	290.965	12.240	72.741	LBND huyện Ngọc Lặc	Đây là dự án nhóm B, có thời gian bố trí vốn thực hiện dự án là không quá 04 năm, niên độ kế toán 2024 đã hết thời gian bố trí vốn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Đầu tư công năm 2024 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025), thời hạn bố trí kế hoạch vốn nước ngoài và vốn đối ứng của dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, không bao gồm thời gian chuẩn bị đầu tư và thời gian quyết toán dự án, với đa bằng thời hạn giải ngân quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và quy định về thời hạn giải của nhà tài trợ nước ngoài, bao gồm cả trường hợp được điều chỉnh hoặc gia hạn. Theo thỏa thuận vay số CVN 1197-01-N ký ngày 16/11/2020 của dự án, đối với nguồn vốn vay hạn giải ngân cuối cùng là ngày 31/10/2026. Do đó, đến thời điểm Luật Đầu tư công năm 2024 có hiệu lực thi hành dự án không phải gia hạn thời gian bố trí vốn nước ngoài. Vì vậy, năm 2025 giao kế hoạch vốn để thành toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định; việc giải ngân vốn năm 2025 chỉ được thực hiện sau khi Luật Đầu tư công năm 2024 có hiệu lực thi hành.

**Phụ lục V: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 TỪ NGUỒN VỐN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024
CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
A	TỔNG SỐ													909.442					
B	SỐ VỐN GIAO KẾ HOẠCH CHI TIẾT ĐỢT NÀY						4.610.615	3.074.374	1.986.613	1.645.789	2.624.354	1.698.937	2.919.076	1.623.598	894.602				
I	Các hoạt động kinh tế						2.690.508	1.628.025	1.093.571	839.571	1.597.271	1.058.788	1.702.685	839.571	557.165				
I.1	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						212.319	212.319	162.600	162.600	49.719	49.719	212.377	162.600	41.101				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						168.981	168.981	142.600	142.600	26.381	26.381	168.981	142.600	26.381				
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>						<i>168.981</i>	<i>168.981</i>	<i>142.600</i>	<i>142.600</i>	<i>26.381</i>	<i>26.381</i>	<i>168.981</i>	<i>142.600</i>	<i>26.381</i>				
1	Trụ sở làm việc Viện nông nghiệp Thanh Hóa	Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7892119	2021-2024	1052/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.981	150.981	130.000	130.000	20.981	20.981	150.981	130.000	20.981	Viện nông nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
2	Tu bổ, nâng cấp đê, kè biển phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969850	2023 - 2024	392/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	18.000	18.000	12.600	12.600	5.400	5.400	18.000	12.600	5.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						43.338	43.338	20.000	20.000	23.338	23.338	43.396	20.000	14.720				
1	Cải tạo hệ thống đường từ Trạm bảo vệ rừng số 4 đi Làng Thiên (đội 5 cũ) kết hợp tuần tra, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại xã Trí Nang, huyện Lang Chánh	Xã Trí Nang, huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8014857	2024-2025	3774/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	34.942	34.942	17.500	17.500	17.442	17.442	35.000	17.500	10.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hoàn thành dự án theo quy định		
2	Xây dựng kè chống sạt lở đê tá sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070 xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	4395/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	8.396	8.396	2.500	2.500	5.896	5.896	8.396	2.500	4.220	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hoàn thành dự án theo quy định		
I.2	Lĩnh vực Giao thông						2.214.980	1.152.497	726.600	472.600	1.488.380	949.897	1.217.122	472.600	460.577				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						14.626	14.626	13.500	13.500	1.126	1.126	15.000	13.500	1.126				
*	<i>Dự án đã hoàn thành đã có quyết toán được duyệt</i>																		
1	Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh)	Huyện Như Thanh, huyện Như Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8069714	2023-2024	4521/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	14.626	14.626	13.500	13.500	1.126	1.126	15.000	13.500	1.126	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt		
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						1.306.736	244.749	491.500	237.500	815.236	277.249	467.000	237.500	174.300				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi				Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
1	Dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nô Hên đến đường tỉnh 514	Thuộc địa phận các huyện Triệu Sơn và Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2019-2025	4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2751/QĐ-UBND ngày 1/7/2024	971.987		349.000	130.000	622.987	140.000	270.000	130.000	86.000	Sở Giao thông Vận tải; UBND huyện Triệu Sơn; UBND huyện Như Thanh		
-	Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư			7785885					582.505		220.000	70.000			26.000	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn thành dự án theo quy định	
-	Hạng mục GPMB do UBND huyện Triệu Sơn làm chủ đầu tư			7830643					351.860		120.500	60.000			60.000	UBND huyện Triệu Sơn	Tiếp tục thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.	
2	Đầu tư xây dựng cầu Cẩm Vân, Huyện Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8025679	2023-2025	3152/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	330.000	240.000	141.000	106.000	189.000	134.000	192.000	106.000	86.000	Ban Quản lý dự án Đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định	
3	Nâng cấp cải tạo, chỉnh trang nhà chờ xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1)	Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	13806/UBND-CN ngày 20/9/2024; 1036/QĐ-SGTVT ngày 25/9/2024	4.749	4.749	1.500	1.500	3.249	3.249	5.000	1.500	2.300	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn thành dự án theo quy định	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								890.000	890.000	221.600	221.600	668.400	668.400	732.000	221.600	283.400	
1	Đường từ nút giao Đông Xuân đi TP Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến	Thuộc địa phận các xã Đông Thanh, Đông Tiến và thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2023-2026	1033/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	818.000	818.000	200.000	200.000	618.000	618.000	660.000	200.000	255.400	Sở Giao thông Vận tải; UBND huyện Đông Sơn		
-	Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư			8045886					601.555	601.555	110.000	110.000			205.400	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
-	Hạng mục GPMB do UBND huyện Đông Sơn làm chủ đầu tư			8097674					216.445	216.445	90.000	90.000			50.000	UBND huyện Đông Sơn	Tiếp tục thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.	
2	Cầu Cửa Dụ, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	Thuộc địa phận xã Luận Thành và xã Luận Khê, huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2026	4127/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	72.000	72.000	21.600	21.600	50.400	50.400	72.000	21.600	28.000	Sở Giao thông Vận tải; UBND huyện Thường Xuân		
-	Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư			8117249					67.634	67.634	21.600	21.600			24.000	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.	
-	Hạng mục GPMB do UBND huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư								4.366	4.366					4.000	UBND huyện Thường Xuân	Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.	
(4)	Các dự án chuẩn bị đầu tư								3.618	3.122			3.122		1.751			
1	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoằng Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn lập BCNCKT)		Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8083070		268/QĐ-SGTVT ngày 29/3/2023; 374/QĐ-SGTVT ngày 25/4/2024	3.618	3.122			3.618	3.122	3.122		1.751	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư	
I.3	Lĩnh vực khu kinh tế và khu công nghiệp								16.576	16.576	15.796	15.796	17.989	15.796	780			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						16.576	16.576	15.796	15.796	780	780	17.989	15.796	780				
*	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán						16.576	16.576	15.796	15.796	780	780	17.989	15.796	780				
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Bắc Nam 3 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7929042	2021-2023	3981/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	16.576	16.576	15.796	15.796	780	780	17.989	15.796	780	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn & các KCN tỉnh	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt		
I.4	Lĩnh vực công nghệ thông tin						227.953	227.953	182.975	182.975	45.312	45.312	236.453	182.975	45.312				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						227.953	227.953	182.975	182.975	45.312	45.312	236.453	182.975	45.312				
*	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán						97.899	97.899	92.275	92.275	5.958	5.958	106.399	92.275	5.958				
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa và bản đồ mực nước hạ du của các đập thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Tại tất cả các nhà máy thủy điện, các đơn vị quản lý, điều hành các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh.	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8076917	2021-2022	2749/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	9.500	9.500	8.907	8.907	696	696	9.913	8.907	696	Sở Công thương	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt (vốn còn thiếu không bao gồm số nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán)		
2	Tăng cường cơ sở vật chất công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8055590	2022	2631/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	75.271	75.271	71.784	71.784	3.714	3.714	79.775	71.784	3.714	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt (vốn còn thiếu không bao gồm số nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán)		
3	Phòng họp không giấy của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8029574	2022-2023	3039/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	4.292	4.292	3.200	3.200	1.092	1.092	4.640	3.200	1.092	Văn phòng Tỉnh ủy	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt		
4	Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa	Sở Thông tin và Truyền thông	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8055591	2021-2023	2694/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	8.836	8.836	8.384	8.384	456	456	12.071	8.384	456	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt (vốn còn thiếu không bao gồm số nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán)		
*	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán						130.054	130.054	90.700	90.700	39.354	39.354	130.054	90.700	39.354				
1	Xây dựng cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa	101 Nguyễn Trãi, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8057820	2022-2024	897/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 4825/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	8.261	8.261	5.700	5.700	2.561	2.561	8.261	5.700	2.561	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
2	Nâng cao năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ Quân sự, Quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và 27 Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị, thành phố, Trung đoàn 762, Đảo Mê, Đảo Nẹ và Kho vũ khí T5 (Triệu Sơn)	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2020-2021	219/QĐ-UBND ngày 18/01/2021	13.031	13.031	9.000	9.000	4.031	4.031	13.031	9.000	4.031	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi									
3	Mở rộng hệ thống giám sát phòng chống xâm nhập, lây nhiễm mã độc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh và 38 điểm giám sát tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8055594	2021-2023	2951/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 4386/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	28.660	28.660	20.000	20.000	8.660	8.660	28.660	20.000	8.660	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Mua sắm thiết bị triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025”	Các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8062771	2022-2024	4169/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	75.817	75.817	53.000	53.000	22.817	22.817	75.817	53.000	22.817	Sở Giáo dục Đào tạo và dạy nghề	Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Phòng họp trực tuyến chung của cơ quan Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn Thanh Hóa	Văn phòng cơ quan Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8065643	Đến hết ngày 01/8/2024	4718/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; 62/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	4.285	4.285	3.000	3.000	1.285	1.285	4.285	3.000	1.285	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành
I.5	Lĩnh vực công trình công cộng						18.680	18.680	5.600	5.600	13.080	13.080	18.744	5.600	9.395		
(1)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						18.680	18.680	5.600	5.600	13.080	13.080	18.744	5.600	9.395		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc	Tại tuyến đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3796/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	2.841	2.841	900	900	1.941	1.941	2.850	900	1.380	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định
2	Đầu tư thay thế đèn LED 150W tiết kiệm điện tại tuyến đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã tư giao cắt với đường Quang Trung đến cầu Tân Xá 1, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	Tuyến đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã tư giao cắt với đường Quang Trung đến cầu Tân Xá 1, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3797/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	787	787	200	200	587	587	794	200	435	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định
3	Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường vào khu di tích lịch sử cách mạng Nhà đồng chí Lê Huy Toán, xã Thiệu Toán và vào khu di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Đồng Bào, thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa	Xã Thiệu Toán và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3809/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	3.038	3.038	900	900	2.138	2.138	3.050	900	1.540	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định
4	Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện dọc tuyến đường Thanh Niên trung tâm thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.	Tại tuyến đường Thanh Niên trung tâm thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3805/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	2.890	2.890	900	900	1.990	1.990	2.900	900	1.420	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi				Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
5	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 47C, đoạn từ xã Xuân Trường đến xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	Tại tuyến đường Quốc lộ 47C, đoạn từ xã Xuân Trường đến xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3808/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	3.093	3.093	900	900	2.193	2.193	3.100	900	1.580	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định	
6	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện khu trung tâm xã Tam Thanh và khu trung tâm xã Tam Lư, huyện Quan Sơn	Tại tuyến đường khu trung tâm xã Tam Thanh và khu trung tâm xã Tam Lư, huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3807/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	2.950	2.950	900	900	2.050	2.050	2.950	900	1.460	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định	
7	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 524 đoạn qua xã Nga Thanh và Nga Thủy, huyện Nga Sơn	Tại tuyến đường tỉnh lộ 524 đoạn qua xã Nga Thanh và Nga Thủy, huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3806/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	3.081	3.081	900	900	2.181	2.181	3.100	900	1.580	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định	
II	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề						670.107	592.637	312.600	309.600	357.507	283.037	505.103	309.600	177.856			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						341.417	282.256	239.900	236.900	101.517	45.356	282.943	236.900	45.356			
*	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán						68.218	51.344	44.300	43.800	23.918	7.544	52.031	43.800	7.544			
1	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Như Xuân 2, huyện Như Xuân	Trong khuôn viên Trường THPT Như Xuân 2, huyện Như Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7973427	2022 - 2023	2760/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	14.263	12.837	12.200	11.700	2.063	1.137	13.050	11.700	1.137	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Như Xuân	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt	
2	Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch	Trong khuôn viên Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8028480	2022-2023	3383/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	9.790	9.790	9.000	9.000	790	790	10.000	9.000	790	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt	
3	Xây dựng nhà lớp học Trường THPT Quảng Xương 1, huyện Quảng Xương	Trong khuôn viên Trường THPT Quảng Xương 1, huyện Quảng Xương	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7947390	2021-2023	3901/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	29.448	14.000	12.600	12.600	16.848	1.400	14.000	12.600	1.400	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Quảng Xương	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt	
4	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà đa năng Trường THPT Quan Hóa, huyện Quan Hóa	Trong khuôn viên Trường THPT Quan Hóa, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8013579	2023	3821/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	14.717	14.717	10.500	10.500	4.217	4.217	14.981	10.500	4.217	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Quan Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt	
*	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán						273.199	230.912	195.600	193.100	77.599	37.812	230.912	193.100	37.812			
1	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn và các công trình phụ trợ khác trường THPT Quan Sơn, huyện Quan Sơn	Trong khuôn viên Trường THPT Quan Sơn, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8040741	2022-2024	4619/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	25.776	25.776	18.000	18.000	7.776	7.776	25.776	18.000	7.776	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	
2	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát huyện Mường Lát	Trong khuôn viên Trường THPT Mường Lát, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2022-2024	270/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	18.877	18.877	13.300	13.300	5.577	5.577	18.877	13.300	5.577	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Mường Lát	Thanh toán khối lượng hoàn thành	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi				Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
3	Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân	Trong khuôn viên hiện có và phần đất quy hoạch mở rộng Trường THCS&THPT Như Xuân, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8030226	2022-2024	2856/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	30.000	27.000	18.900	18.900	11.100	8.100	27.000	18.900	8.100	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Như Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
4	Xây dựng trường THPT Hoàng Lê Kha huyện Hà Trung	Xã Hà Bình và xã Yên Sơn, huyện Hà Trung	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7889121	2021-2023	720/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	78.894	64.000	61.000	61.000	17.894	3.000	64.000	61.000	3.000	UBND huyện Hà Trung	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
5	Trường THPT Nguyễn Quán Nho huyện Thiệu Hóa	Trong khuôn viên trường THPT Nguyễn Quán Nho, huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7925059	2021 - 2023	2859/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	29.996	23.000	20.700	20.700	9.296	2.300	23.000	20.700	2.300	UBND huyện Thiệu Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
6	Xây dựng nhà bộ môn 2 tầng 6 phòng và nhà đa năng Trường THPT Nông Cống 4	Trong khuôn viên Trường THPT Nông Cống 4, huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7931784	2021 - 2023	4857/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	14.275	9.995	11.500	9.000	2.775	995	9.995	9.000	995	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Nông Cống	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
7	Xây dựng nhà lớp học, phòng học bộ môn 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Văn Hưu, huyện Thiệu Hóa	Trong khuôn viên Trường THPT Lê Văn Hưu, huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7935569	2022 - 2023	1263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	24.343	17.040	15.300	15.300	9.043	1.740	17.040	15.300	1.740	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Thiệu Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
8	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Tổng Duy Tân, huyện Vĩnh Lộc	Trong khuôn viên trường THPT Tổng Duy Tân, huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7995591	2022 - 2023	4088/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; 4768/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	13.186	9.250	8.300	8.300	4.886	950	9.250	8.300	950	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
9	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và nhà đa năng Trường THPT Như Thanh 2, huyện Như Thanh	Trong khuôn viên Trường THPT Như Thanh 2, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7960075	2022 - 2023	2849/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	18.888	17.010	15.300	15.300	3.588	1.710	17.010	15.300	1.710	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Như Thanh	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
10	Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành, Nhà ký túc xá sinh viên N5 Trường Đại học Hồng Đức	Trong khuôn viên Trường Đại học Hồng Đức	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8050514	2023-2024	3182/QĐ-UBND ngày 8/9/2023	18.964	18.964	13.300	13.300	5.664	5.664	18.964	13.300	5.664	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						245.000	245.000	51.000	51.000	194.000	194.000	170.000	51.000	119.000				
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Chính trị tỉnh	Trong khuôn viên của Trường Chính trị tỉnh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8080983	2024-2025	1116/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	245.000	245.000	51.000	51.000	194.000	194.000	170.000	51.000	119.000	Sở Xây dựng	Hoàn thành dự án chào mừng đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 theo công văn số 4486-CV/VPTU ngày 30/11/2023 của VPTU.		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						72.940	57.856	21.700	21.700	51.240	36.156	46.140	21.700	10.500				
1	Xây dựng mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Triệu Sơn 4 huyện Triệu Sơn	Trong khuôn viên hiện có và phần đất quy hoạch mở rộng về phía Tây của Trường THPT Triệu Sơn 4, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8040553	2024-2026	2282/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	19.950	13.965	8.500	8.500	11.450	5.465	14.000	8.500	1.300	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Triệu Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
2	Đầu tư, nâng cấp Trường THPT Yên Định 2, huyện Yên Định	Trong khuôn viên Trường THPT Yên Định 2, xã Yên Trường, huyện Yên Định	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8053021	2024-2026	3364/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	19.000	13.300	3.200	3.200	15.800	10.100	10.640	3.200	4.200	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Định	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
3	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thạch Thành 4, huyện Thạch Thành	Trong khuôn viên Trường THPT Thạch Thành 4, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8067321	2024-2026	3428/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	33.990	30.591	10.000	10.000	23.990	20.591	21.500	10.000	5.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Thạch Thành	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025						10.750	7.525			10.750	7.525	6.020		3.000				
*	Dự kiến hoàn thành sau năm 2025						10.750	7.525			10.750	7.525	6.020		3.000				
1	Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn	Trong khuôn viên Trường THPT Triệu Sơn 3, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8088467	2025-2026	4282/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	10.750	7.525			10.750	7.525	6.020		3.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Triệu Sơn	Triển khai thực hiện dự án		
III	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình						873.188	476.900	333.012	249.188	540.176	227.712	381.900	249.188	95.212				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						130.751	101.900	101.312	92.688	29.439	9.212	101.900	92.688	9.212				
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt						130.751	101.900	101.312	92.688	29.439	9.212	101.900	92.688	9.212				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà hợp khối nội A7, nhà hợp khối ngoại A6 và cải tạo hệ thống nhà cầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7985039	2022-2024	3665/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	39.889	32.000	33.496	28.607	6.393	3.393	32.000	28.607	3.393	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
2	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	Trong khuôn viên Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7868037	2021-2024	1507/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	62.867	50.300	49.516	46.581	13.351	3.719	50.300	46.581	3.719	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
3	Xây dựng trung tâm y tế huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa	Tại khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Nông Cống	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7904619	2021-2024	2092/QĐ-UBND ngày 17/06/2021	27.995	19.600	18.300	17.500	9.695	2.100	19.600	17.500	2.100	UBND huyện Nông Cống	Thanh toán khối lượng hoàn thành		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						383.600	185.000	206.500	141.500	177.100	43.500	185.000	141.500	43.500				
1	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.	Trong khuôn viên và phần đất mở rộng của Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8045894	2022-2025	3207/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	98.600	65.000	45.500	45.500	53.100	19.500	65.000	45.500	19.500	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Như Thanh	Hoàn thành dự án theo quy định		
2	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Trong khuôn viên và phần đất mở rộng của Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8037665	2022-2025	2665/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	110.000	60.000	78.000	48.000	32.000	12.000	60.000	48.000	12.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	Hoàn thành dự án để chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 theo Kết luận số 2185-KL/HU ngày 22/11/2024 của Huyện ủy Vĩnh Lộc		
3	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa	Trong khuôn viên và phần đất mở rộng của Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8039599	2022-2025	2361/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	175.000	60.000	83.000	48.000	92.000	12.000	60.000	48.000	12.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Thiệu Hóa	Hoàn thành dự án để chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 theo Thông báo số 1230-TB/HU ngày 26/5/2024 của Huyện ủy Thiệu Hóa		
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						200.837	100.000	25.200	15.000	175.637	85.000	50.000	15.000	20.000				
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện Đa khoa huyện Hoảng Hóa	Trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa huyện Hoảng Hóa, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoảng Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8071930	2024-2027	877/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	200.837	100.000	25.200	15.000	175.637	85.000	50.000	15.000	20.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Hoảng Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2025						158.000	90.000			158.000	90.000	45.000		22.500				
*	Dự kiến hoàn thành sau năm 2025						158.000	90.000			158.000	90.000	45.000		22.500				
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	Trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8073033	2024-2027	4456/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	158.000	90.000			158.000	90.000	45.000		22.500	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Hậu Lộc	Triển khai thực hiện dự án		
IV	Lĩnh vực Văn hóa						99.493	99.493	89.691	89.691	9.802	9.802	77.731	67.500	9.802				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						99.493	99.493	89.691	89.691	9.802	9.802	77.731	67.500	9.802				
*	Dự án đã hoàn thành đã có quyết toán được duyệt						12.006	12.006	10.000	10.000	2.006	2.006	12.435	10.000	2.006				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khu văn phòng, khu chức năng Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh.	Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh, xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8014567	2023	2818/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	7.379	7.379	6.000	6.000	1.379	1.379	7.620	6.000	1.379	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt		
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà hát Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8014564	2022-2023	2046/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	4.627	4.627	4.000	4.000	627	627	4.815	4.000	627	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tính giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tính năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>						87.487	87.487	79.691	79.691	7.796	7.796	65.296	57.500	7.796				
1	Nghiên cứu khai quật, khảo cổ tổng thể khu di tích Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Vĩnh Lộc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2013-2024	4220/QĐ-UBND ngày 29/11/2013; 3935/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	87.487	87.487	79.691	79.691	7.796	7.796	65.296	57.500	7.796	Trung tâm bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
V	Lĩnh vực thể dục, thể thao						44.275	44.275	15.800	15.800	28.475	28.475	31.500	15.800	6.250				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						44.275	44.275	15.800	15.800	28.475	28.475	31.500	15.800	6.250				
1	Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục, mua sắm thiết bị Sân vận động tỉnh và Nhà thi đấu thể dục thể thao tỉnh Thanh Hóa	Phường Ba Đình và phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8095210	2024-2026	2671/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	44.275	44.275	15.800	15.800	28.475	28.475	31.500	15.800	6.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
VI	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						195.263	195.263	126.539	126.539	68.742	68.742	192.376	126.539	42.837				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						136.938	136.938	120.039	120.039	16.917	16.917	136.976	120.039	16.917				
*	<i>Dự án đã hoàn thành đã có quyết toán được duyệt</i>						3.438	3.438	3.100	3.100	356	356	3.476	3.100	356				
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên cơ quan Ban Dân tộc tỉnh	Trong khuôn viên Trụ sở Ban Dân tộc tỉnh (số 104 đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8072743	2022-2024	4383/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	3.438	3.438	3.100	3.100	356	356	3.476	3.100	356	Ban Dân tộc tỉnh	Thanh toán vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt (vốn còn thiếu không bao gồm số nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán)		
*	<i>Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>						133.500	133.500	116.939	116.939	16.561	16.561	133.500	116.939	16.561				
1	Trụ sở hợp khối Sở Nội vụ - Sở Ngoại vụ - Sở Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật - Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa	Tại phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7946001	2021-2024	640/QĐ-UBND ngày 17/02/2022; 63/QĐ-UBND ngày 04/01/2024; 2209/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	133.500	133.500	116.939	116.939	16.561	16.561	133.500	116.939	16.561	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025						9.935	9.935	3.000	3.000	6.935	6.935	10.000	3.000	5.000				
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm hoạt động và Bồi dưỡng cán bộ thanh thiếu nhi Thanh Hóa	Trong khuôn viên Trung tâm hoạt động và Bồi dưỡng cán bộ thanh thiếu nhi Thanh Hóa, số 08 đường Bà Triệu, P. Bắc Sơn, TP Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa		2024-2025	3545/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	9.935	9.935	3.000	3.000	6.935	6.935	10.000	3.000	5.000	Trung tâm hoạt động và Bồi dưỡng cán bộ thanh thiếu nhi Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán), quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2024		KH đầu tư trung hạn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT (hoặc giá trị quyết toán, dự toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu, tiết kiệm chi											
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						9.990	9.990	3.500	3.500	6.490	6.490	7.000	3.500	1.400				
1	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Trong khuôn viên Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8082805	2024-2026	288/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 04/6/2024	9.990	9.990	3.500	3.500	6.490	6.490	7.000	3.500	1.400	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025 và hoàn thành trong năm 2025						38.400	38.400			38.400	38.400	38.400		19.520				
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà nghỉ E, Trung tâm Hội nghị 25B	Trong khuôn viên Trung tâm Hội nghị 25B, số 133 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8121751	2024-2025	4484/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	19.900	19.900			19.900	19.900	19.900		10.270	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Triển khai thực hiện và hoàn thành dự án theo quy định.		
2	Cải tạo, sửa chữa Hội trường lớn và cung cấp, lắp đặt thiết bị Trung tâm hội nghị 25B	Trung tâm Hội nghị 25B, số 133 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8120678	2024-2025	4634/QĐ-UBND ngày 24/11/2024	18.500	18.500			18.500	18.500	18.500		9.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Triển khai thực hiện và hoàn thành dự án theo quy định.		
VII	Lĩnh vực xã hội						4.781	4.781	3.900	3.900	881	881	4.781	3.900	880				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024						4.781	4.781	3.900	3.900	881	881	4.781	3.900	880				
*	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt						4.781	4.781	3.900	3.900	881	881	4.781	3.900	880				
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa	Trong khuôn viên Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8070907	2023-2024	1619/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	4.781	4.781	3.900	3.900	881	881	4.781	3.900	880	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành		
VIII	Lĩnh vực quốc phòng địa phương						33.000	33.000	11.500	11.500	21.500	21.500	23.000	11.500	4.600				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						33.000	33.000	11.500	11.500	21.500	21.500	23.000	11.500	4.600				
1	Cải tạo, nâng cấp doanh trại và mua sắm thiết bị, doanh cụ tại Cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa và đảo Hòn Mê	Trong khuôn viên Doanh trại Cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	136100506	2024-2026	1316/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	33.000	33.000	11.500	11.500	21.500	21.500	23.000	11.500	4.600	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.		
B	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA GIAO KẾ HOẠCH														14.840		Giao Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ chi tiết, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, theo quy định.		

Phụ biểu số 01: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VON ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGAN SÁCH TỈNH NĂM 2025 BỔ TRÍ VON ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VON NƯỚC NGOÀI

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Số vốn ngân sách tỉnh còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2024	Kế hoạch vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt	Kế hoạch vốn đối ứng năm 2025 (nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh)	Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số						Trong đó: Ngân sách tỉnh (bổ trí đối ứng)
							Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh (bổ trí đối ứng)							
	TỔNG SỐ						3.513.879	764.745	2.095.852	596.016	168.729	727.170	61.089		
I	LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN						190.239	43.144	154.188	26.100	17.044	72.478	3.000		
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025</i>						<i>190.239</i>	<i>43.144</i>	<i>154.188</i>	<i>26.100</i>	<i>17.044</i>	<i>72.478</i>	<i>3.000</i>		
1	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoảng Hóa; thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7800507	Gia hạn thời gian thực hiện dự án đến năm 2026 (chưa bao gồm thời gian quyết toán dự án hoàn thành theo quy định)	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/5/2017; 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023; 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024; 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023; 1752/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	190.239	43.144	154.188	26.100	17.044	72.478	3.000	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.
II	LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ						3.131.593	701.548	1.775.843	552.177	149.371	647.178	56.089		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>						<i>3.131.593</i>	<i>701.548</i>	<i>1.775.843</i>	<i>552.177</i>	<i>149.371</i>	<i>647.178</i>	<i>56.089</i>		
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7629551	2019-2027	1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2345/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	2.314.277	577.550	1.408.730	471.268	106.282	527.680	13.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa	Thanh toán thuế VAT, chi khác của dự án.
2	Tiêu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ (vốn vay AFD).	Huyện Ngọc Lặc	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7630175	2020-2026	1085/QĐ-TTg ngày 23/8/2019; 3563/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	817.316	123.998	367.113	80.909	43.089	119.498	43.089	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án theo quy định.
III	LĨNH VỰC Y TẾ, DẪN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						192.047	20.053	165.821	17.739	2.314	7.514	2.000		
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>						<i>192.047</i>	<i>20.053</i>	<i>165.821</i>	<i>17.739</i>	<i>2.314</i>	<i>7.514</i>	<i>2.000</i>		
1	Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Các huyện trên địa bàn tỉnh	Kho bạc nhà nước Thanh Hóa	7342771	2015-2023	718/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; 97/QĐ-UBND ngày 11/01/2017; 1709/QĐ-UBND ngày 09/5/2019; 589/QĐ-TTg ngày 18/5/2022; 2775/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	192.047	20.053	165.821	17.739	2.314	7.514	2.000	Sở Y tế Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành.

Phụ biểu số 02: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án, tiểu dự án thành phần	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025	Số vốn ngân sách trung ương năm 2025 giao kế hoạch đợt này	Số vốn ngân sách trung ương năm 2025 chưa giao kế hoạch	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.640.539	253.246	229.385	23.861	Chi tiết tại Phụ biểu số 02.1.
I	Dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.511.507	227.492	206.236	21.256	
<i>1</i>	<i>Tiểu dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>	<i>1.309.507</i>	<i>227.492</i>	<i>206.236</i>	<i>21.256</i>	
-	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	1.249.507		206.236		
-	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	60.000				
<i>2</i>	<i>Tiểu dự án 2 Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 (02 huyện Thường Xuân và Bá Thước)</i>	<i>202.000</i>				
II	Dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	129.032	25.754	23.149	2.605	
<i>1</i>	<i>Tiểu dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	<i>99.410</i>	<i>18.555</i>	<i>18.555</i>		
<i>2</i>	<i>Tiểu dự án 3 Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	<i>29.622</i>	<i>7.199</i>	<i>4.594</i>	<i>2.605</i>	

Phụ biểu số 02.1: KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW
								Tổng	Trong đó: NSTW								
	TỔNG SỐ							1.015.168	934.384	704.999	704.999	310.169	229.385	936.989	229.385		
A	DỰ ÁN 1 HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO, CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO							888.741	807.957	601.721	601.721	287.020	206.236	807.957	206.236		
A.1	<i>Tiểu dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo - Hoạt động 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</i>							<i>888.741</i>	<i>807.957</i>	<i>601.721</i>	<i>601.721</i>	<i>287.020</i>	<i>206.236</i>	<i>807.957</i>	<i>206.236</i>		
I	HUYỆN THƯỜNG XUÂN							150.468	136.800	105.850	105.850	44.618	30.950	136.800	30.950		
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>							<i>150.468</i>	<i>136.800</i>	<i>105.850</i>	<i>105.850</i>	<i>44.618</i>	<i>30.950</i>	<i>136.800</i>	<i>30.950</i>		
1	Đường giao thông từ xã Vạn Xuân đi trung tâm xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân.	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969259	Giao thông	2022-2025	2019/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	54.450	49.500	36.791	36.791	17.659	12.709	49.500	12.709	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969260	Giao thông	2022-2025	873/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	50.490	45.900	42.477	42.477	8.013	3.423	45.900	3.423	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Đường giao thông thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao đi Bán Mạ, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Huyện Thường Xuân	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7969269	Giao thông	2022-2025	292/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	45.528	41.400	26.582	26.582	18.946	14.818	41.400	14.818	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành dự án theo quy định.
II	HUYỆN LANG CHÁNH							163.325	148.477	112.690	112.690	50.635	35.787	148.477	35.787		
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>							<i>163.325</i>	<i>148.477</i>	<i>112.690</i>	<i>112.690</i>	<i>50.635</i>	<i>35.787</i>	<i>148.477</i>	<i>35.787</i>		
1	Đường giao thông từ bản Ngâm Póc đi bản Con, bản Vịn, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8000299	Giao thông	2022-2025	2306/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh	37.950	34.500	29.500	29.500	8.450	5.000	34.500	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Pong đi thôn Khu xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8000159	Giao thông	2022-2025	2338/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh	24.725	22.477	19.100	19.100	5.625	3.377	22.477	3.377	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Đường giao thông từ bản Vắn đi bản Peo đi bản Vắn, xã Yên Thắng đi bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7994461	Giao thông	2022-2025	572/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	51.700	47.000	33.014	33.014	18.686	13.986	47.000	13.986	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ bản En đi bản Năng Cát xã Tri Năng, huyện Lang Chánh.	Huyện Lang Chánh	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8000518	Giao thông	2022-2025	334/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	48.950	44.500	31.076	31.076	17.874	13.424	44.500	13.424	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	Hoàn thành dự án theo quy định.
III	HUYỆN BÁ THƯỚC							195.065	177.332	140.391	140.391	54.674	36.941	177.332	36.941		
a	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>							<i>195.065</i>	<i>177.332</i>	<i>140.391</i>	<i>140.391</i>	<i>54.674</i>	<i>36.941</i>	<i>177.332</i>	<i>36.941</i>		
1	Đường giao thông từ La Hân, xã Ban Công, huyện Bá Thước đi xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8017105	Giao thông	2023-2025	614/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước	39.600	36.000	28.400	28.400	11.200	7.600	36.000	7.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Đường giao thông từ xã Ban Công đi điểm du lịch bản Đôn, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8017258	Giao thông	2023-2025	631/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước	41.580	37.800	29.800	29.800	11.780	8.000	37.800	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Đập Tá Hương, xã Ban Công, huyện Bá Thước.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8017104	Giao thông	2023-2025	612/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước	29.700	27.000	21.440	21.440	8.260	5.560	27.000	5.560	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Hoàn thành dự án theo quy định.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW
4	Đường giao thông từ xã Kỳ Tân đi xã Văn Nho nối với Quốc lộ 217.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8017259	Giao thông	2023-2025	613/QĐ -UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước	39.635	36.032	28.610	28.610	11.025	7.422	36.032	7.422	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Hoàn thành dự án theo quy định.
5	Đường giao thông nối xã Văn Nho huyện Bá Thước đi xã Tam Văn, huyện Lang Chánh.	Huyện Bá Thước	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8017106	Giao thông	2023-2025	632/QĐ -UBND ngày 27/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước	44.550	40.500	32.141	32.141	12.409	8.359	40.500	8.359	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Hoàn thành dự án theo quy định.
IV	HUYỆN QUAN HÓA							92.007	83.643	49.720	49.720	42.287	33.923	83.643	33.923		
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025							92.007	83.643	49.720	49.720	42.287	33.923	83.643	33.923		
1	Đường giao thông từ bản Bàu, xã Nam Đông huyện Quan Hóa đi bản Súa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981917	Giao thông	2023-2025	817/QĐ-UBND ngày 31/5/2023; 1949/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	25.347	23.043	15.700	15.700	9.647	7.343	23.043	7.343	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, sửa chữa phòng học và các công trình phụ trợ Trường mầm non khu Háng, khu Dôi xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8053688	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2023-2025	2210/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	14.960	13.600	8.972	8.972	5.988	4.628	13.600	4.628	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Nâng cấp đường giao thông từ cầu treo bản Bàu đi bản Nốt xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8053687	Giao thông	2023-2025	2241/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	7.700	7.000	6.340	6.340	1.360	660	7.000	660	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
4	Cầu và Đường từ bản Uôn đi bản Páng xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Huyện Quan Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981914	Giao thông	2024-2025	1977/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	44.000	40.000	18.708	18.708	25.292	21.292	40.000	21.292	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
V	HUYỆN QUAN SƠN							120.361	109.419	74.400	74.400	45.961	35.019	109.419	35.019		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							21.874	19.885	18.000	18.000	3.874	1.885	19.885	1.885		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7990685	Giao thông	2022-2024	4153/QĐ - UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	21.874	19.885	18.000	18.000	3.874	1.885	19.885	1.885	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định.
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025							98.487	89.534	56.400	56.400	42.087	33.134	89.534	33.134		
1	Đường giao thông liên xã từ bản Chế Lâu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7990686	Giao thông	2022-2025	1315/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn	43.874	39.885	16.500	16.500	27.374	23.385	39.885	23.385	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn; UBND huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định
2	Nâng cấp Đường giao thông liên xã Trung Hạ-Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7990688	Giao thông	2022-2025	1122 ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	32.874	29.885	22.100	22.100	10.774	7.785	29.885	7.785	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định (dự án đã bố trí đủ vốn bồi thường giải phóng mặt bằng theo tổng mức đầu tư được duyệt là 275 triệu đồng)
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL.217 đi Đồn Biên phòng Mường Min, huyện Quan Sơn.	Huyện Quan Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7990687	Giao thông	2022-2025	4684/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	21.740	19.764	17.800	17.800	3.940	1.964	19.764	1.964	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
VI	HUYỆN MƯỜNG LÁT							167.515	152.286	118.670	118.670	48.845	33.616	152.286	33.616		
a	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025							167.515	152.286	118.670	118.670	48.845	33.616	152.286	33.616		
1	Đường giao thông từ bản Pá Quán đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát	Xã Trung Lý, huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981908	Giao thông	2023-2025	928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	62.700	57.000	30.235	30.235	32.465	26.765	57.000	26.765	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Đường giao thông từ bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát đi xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La	Xã Mường Lý, huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981906	Giao thông	2023-2025	1556/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; 1638/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mường Lát	38.500	35.000	32.435	32.435	6.065	2.565	35.000	2.565	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản Ûn-Sài Khao, huyện Mường Lát	Xã Mường Lý, huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981911	Giao thông	2023-2025	1554/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mường Lát	33.315	30.286	28.000	28.000	5.315	2.286	30.286	2.286	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2024		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW
4	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Mường Lát đi khu phố Đoàn Kết thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát	Xã Tam Chung, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	7981907	Giao thông	2023-2025	1546/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mường Lát	33.000	30.000	28.000	28.000	5.000	2.000	30.000	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án theo quy định.
B	DỰ ÁN 4 PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG							126.427	126.427	103.278	103.278	23.149	23.149	129.032	23.149		
<i>B.1</i>	<i>Tiểu dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>							<i>99.410</i>	<i>99.410</i>	<i>80.855</i>	<i>80.855</i>	<i>18.555</i>	<i>18.555</i>	<i>99.410</i>	<i>18.555</i>		
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>							<i>99.410</i>	<i>99.410</i>	<i>80.855</i>	<i>80.855</i>	<i>18.555</i>	<i>18.555</i>	<i>99.410</i>	<i>18.555</i>		
1	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Trung cấp nghề Nga Sơn, huyện Nga Sơn.	Huyện Nga Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8048638	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2023-2025	3106/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	41.910	41.910	39.823	39.823	2.087	2.087	41.910	2.087	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Hoàn thành dự án theo quy định.
2	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn	Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8091169	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2022 - 2025	1975/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	57.500	57.500	41.032	41.032	16.468	16.468	57.500	16.468	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.
<i>B.2</i>	<i>Tiểu dự án 3 Hỗ trợ việc làm bền vững</i>							<i>27.017</i>	<i>27.017</i>	<i>22.423</i>	<i>22.423</i>	<i>4.594</i>	<i>4.594</i>	<i>29.622</i>	<i>4.594</i>		
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025</i>							<i>27.017</i>	<i>27.017</i>	<i>22.423</i>	<i>22.423</i>	<i>4.594</i>	<i>4.594</i>	<i>29.622</i>	<i>4.594</i>		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa thuộc tiểu dự án 3 "Hỗ trợ việc làm bền vững", dự án 4 "Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững", Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.	Tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa và 06 Văn phòng thuộc Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh Hóa đặt tại các huyện: Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Nông Cống, Vĩnh Lộc, Hà Trung và thị xã Nghi Sơn	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	8100222	Xã hội	2024-2025	2803/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	27.017	27.017	22.423	22.423	4.594	4.594	29.622	4.594	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa	Hoàn thành dự án theo quy định.